

Bản án số: 01/2022/DS - ST.

Ngày: 17- 01- 2022.

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Hợp

2. Ông Võ Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 023, ấp Ngãi P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Lợi H, xã Long Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Lợi H, xã Long Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 16/01/2019 âm lịch ông Đinh Văn T có hỏi vay của bà số tiền là 14.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ, mục đích vay để chi tiêu trong gia đình, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả là 01 tháng. Từ thời gian vay cho đến nay ông T chưa thanh toán cho bà khoản nào.

Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 13/8/2020 ông T thừa nhận có nợ của bà 14.000.000 đồng và hứa sẽ trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng nhưng ông vẫn không

thực hiện. Đối với số tiền vay trên ông T vay nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình, bà Lê Thị L là vợ ông T biết, cùng sử dụng chung số tiền này.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 bà yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà 14.000.000 đồng và trả phần lãi suất phát sinh từ ngày khởi kiện cho đến khi có quyết định của Tòa án cụ thể 20.000 đồng/1.000.0000 đồng/ 01 tháng.

Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 14.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T, bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà 14.000.000 đồng và trả phần lãi suất phát sinh từ ngày khởi kiện cho đến khi có quyết định của Tòa án cụ thể 20.000 đồng/1.000.0000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà 14.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 14.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Biên bản hòa giải cơ sở” ngày 13/8/2020 của Ban nhân dân ấp Lợi Hưng trong đó có ghi “ Tôi thừa nhận có thiếu tiền của cô T là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) gia đình tôi hứa sẽ trả mỗi tháng cho cô T 1 triệu đồng cho hàng tháng vào ngày 30 âm lịch hàng tháng.”, biên bản có chữ ký của ông Đinh Văn T. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 09/11/2021 ông Lê Thanh Hải là trưởng ban nhân dân ấp Lợi Hưng cho rằng ngày 13/8/2020 ông làm tổ trưởng tổ hòa giải ấp Lợi Hưng, xã Long Đức, tại phiên hòa giải ông T đã thừa nhận còn nợ của bà T số tiền 14.000.000 đồng và hứa trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, sau khi lập biên bản có thông qua cho ông T nghe và đồng ý ký tên vào biên bản. Bên cạnh đó, ông T, bà L đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và các T liệu chứng cứ do Tòa án gửi nhưng không có ý kiến phản đối gì. Mặt khác, khi tiến hành giao dịch vay T sản với nguyên đơn, do ông T thực hiện và nhận tiền nhưng mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình, Tòa án có thông báo cho bà L biết về yêu cầu của bà T nhưng bà L không có ý kiến phản đối nên bà L phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, Từ phân tích nêu trên đủ cơ sở xác định ông T, bà L có vay của nguyên đơn số tiền 14.000.000 đồng và xét thấy, ông T, bà L là người có lỗi để vi phạm hợp đồng, đến thời hạn không thực hiện đúng theo hợp đồng nên đối chiếu với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 280, Điều 263, Điều 266 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T, bà L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 14.000. 000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L không có ý kiến, phản đối về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L không trả số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị T thì hàng tháng ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L còn phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Ông Đinh Văn T và bà Lê Thị L phải chịu 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị T không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008083 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

Dương Thị Thanh Hoa